

ỦY BAN THƯỜNG VỤ
QUỐC HỘI
Số: 48-L/CTN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 1996

PHÁP LỆNH

Thủ tục giải quyết các tranh chấp lao động

Để giải quyết đúng pháp luật, kịp thời các tranh chấp lao động nhằm bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, tập thể lao động và người sử dụng lao động;

Căn cứ vào Điều 91 của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Căn cứ vào Bộ luật lao động;

Pháp lệnh này quy định thủ tục giải quyết các tranh chấp lao động tại Toà án.

Phần thứ nhất:

Thủ tục giải quyết các vụ án Lao động

Chương 1:

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quyền yêu cầu Toà án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp

1- Người lao động, tập thể lao động, người sử dụng lao động theo thủ tục do pháp luật quy định có quyền khởi kiện vụ án lao động để yêu cầu Toà án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Trong trường hợp cần bảo vệ quyền và ích hợp pháp của tập thể lao động thì công đoàn cấp trên của công đoàn cơ sở có quyền khởi kiện.

2- Người khởi kiện vụ án lao động có quyền rút đơn kiện, thay đổi nội dung đơn kiện. Các đương sự có quyền hoà giải với nhau.

Điều 2. Nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ

Các đương sự có nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Điều 3. Xác minh, thu thập chứng cứ

Khi cần thiết, Toà án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ hoặc yêu cầu các bên tranh chấp lao động, cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo đảm cho việc giải quyết vụ án lao động được chính xác, công bằng. Các bên tranh chấp lao động, cơ quan, tổ chức, cá nhân được yêu cầu phải cung cấp đầy đủ và đúng thời hạn theo yêu cầu của Toà án.

Điều 4. Trách nhiệm hoà giải của Toà án

Trong quá trình giải quyết vụ án lao động, Toà án có trách nhiệm tiến hành hoà giải để các đương sự có thể thoả thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Điều 5. Bình đẳng về quyền và nghĩa vụ

Các đương sự bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trong quá trình giải quyết vụ án lao động.

Điều 6. Xét xử công khai, khách quan, kịp thời, nhanh chóng, đúng pháp luật

Các vụ án lao động được xét xử công khai, khách quan, kịp thời, nhanh chóng, đúng pháp luật.

Điều 7. Tiếng nói, chữ viết dùng trong quá trình giải quyết vụ án lao động

Tiếng nói, chữ viết dùng trong quá trình giải quyết vụ án lao động là tiếng Việt.

Người tham gia tố tụng có quyền dùng tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình.

Điều 8. Đại diện do uỷ quyền

Các đương sự có thể uỷ quyền cho luật sư hoặc người khác đại diện cho mình tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Hiệu lực của bản án, quyết định của Toà án

Bản án, quyết định về vụ án lao động của Toà án đã có hiệu lực pháp luật phải được các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi công dân tôn trọng; người lao động, tập thể lao động, người sử dụng lao động và các cơ quan, tổ chức, đơn vị có nghĩa vụ chấp hành bản án, quyền định của Toà án phải nghiêm chỉnh chấp hành.

Điều 10. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án lao động

Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án lao động theo quy định của Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân và của Pháp lệnh này.

Chương 2:

THẨM QUYỀN CỦA TOÀ ÁN

Điều 11. Thẩm quyền giải quyết của Toà án

Toà án có thẩm quyền giải quyết các vụ án lao động sau đây:

1- Các tranh chấp lao động cá nhân giữa người lao động với người sử dụng lao động về quyền và lợi ích liên quan đến việc làm, tiền lương, thu nhập và các điều kiện lao động khác; về thực hiện hợp đồng lao động, và trong quá trình học nghề mà hội đồng hoà giải cơ sở hoặc hoà giải viên lao động của cơ quan lao động huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cơ quan lao động cấp huyện) hoà giải không thành, trừ các tranh chấp lao động cá nhân sau đây không nhất thiết phải qua hoà giải tại cơ sở:

a) Tranh chấp về xử lý kỷ luật lao động theo hình thức sa thải hoặc về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động;

b) Tranh chấp về bồi thường thiệt hại cho người sử dụng lao động. 2- Các tranh chấp lao động tập thể giữa tập thể lao động với người sử dụng lao động về quyền và lợi ích liên quan đến việc làm, tiền lương, thu nhập và các điều kiện lao động khác; về việc thực hiện thoả ước lao động tập thể; về quyền thành lập, gia nhập, hoạt động công đoàn đã được Hội đồng trọng tài lao động tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Hội đồng trọng tài lao động cấp tỉnh) giải quyết mà tập thể lao động hoặc người sử dụng lao động không đồng ý với quyết định của Hội đồng trọng tài lao động.

Điều 12. Thẩm quyền của Toà án nhân dân các cấp

1- Toà án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Toà án cấp huyện) giải quyết theo thủ tục sơ thẩm các vụ án lao động quy định tại khoản 1 Điều 11 của Pháp lệnh này, trừ những vụ việc thuộc thẩm quyền của Toà án cấp tỉnh.

2- Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Toà án cấp tỉnh) có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm các tranh chấp lao động sau đây:

- a) Các tranh chấp lao động quy định tại khoản 2 Điều 11 của Pháp lệnh này;
- b) Các tranh chấp lao động quy định tại khoản 1 Điều 11 của Pháp lệnh này mà có yếu tố nước ngoài;
- c) Các vụ án lao động thuộc thẩm quyền của Toà án cấp huyện mà trong trường hợp cần thiết Toà án cấp tỉnh có thể lấy lên để giải quyết.

Điều 13. Thẩm quyền của Toà án theo lãnh thổ

Toà án có thẩm quyền xét xử sơ thẩm vụ án lao động là Toà án nơi làm việc hoặc nơi cư trú của bị đơn; nếu bị đơn là pháp nhân thì Toà án có thẩm quyền là Toà án nơi pháp nhân có trụ sở chính, trừ trường hợp pháp luật quy định khác. Các đương sự có quyền thoả thuận việc yêu cầu Toà án nơi làm việc hoặc nơi cư trú của nguyên đơn giải quyết vụ án lao động.

Điều 14. Thẩm quyền của Toà án theo sự lựa chọn của nguyên đơn

Nguyên đơn có quyền lựa chọn Toà án để yêu cầu giải quyết vụ án lao động trong các trường hợp sau đây:

- 1- Nếu không biết rõ trụ sở hoặc nơi cư trú của bị đơn thì nguyên đơn có thể yêu cầu Toà án nơi có tài sản hoặc nơi có trụ sở hoặc nơi cư trú cuối cùng của bị đơn giải quyết vụ án;
- 2- Nếu vụ án phát sinh từ hoạt động của chi nhánh doanh nghiệp thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Toà án nơi doanh nghiệp có trụ sở hoặc nơi có chi nhánh doanh nghiệp giải quyết;
- 3- Nếu vụ án phát sinh từ hoạt động của người sử dụng lao động là người cai thầu hoặc người có vai trò trung gian thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Toà án nơi người sử dụng lao động là chủ chính có trụ sở hoặc cư trú hoặc nơi người cai thầu, người có vai trò trung gian cư trú giải quyết;
- 4- Nếu vụ án phát sinh do vi phạm hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể, hợp đồng học nghề thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Toà án nơi thực hiện hợp đồng

lao động, thỏa ước tập thể hoặc hợp đồng học nghề giải quyết;

5- Nếu vụ án về đòi bồi thường thiệt hại tính mạng, sức khỏe, chi phí y tế do bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hoặc đòi trả tiền lương, trợ cấp mất việc làm, trợ cấp thôi việc và khoản tiền trả cho người lao động về bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế khi người lao động không thuộc loại hình bảo hiểm xã hội bắt buộc thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Tòa án nơi cư trú của mình hoặc nơi bị đơn có trụ sở hoặc cư trú giải quyết;

6- Nếu vụ án về đòi người lao động bồi thường thiệt hại tài sản, phí dạy nghề thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Tòa án nơi người đó làm việc hoặc cư trú giải quyết. Trong trường hợp có nhiều bị đơn có nơi làm việc hoặc nơi cư trú khác nhau thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Tòa án nơi một trong các bị đơn làm việc hoặc cư trú giải quyết;

7- Nếu trong hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể mà các bên đã thỏa thuận trước về Tòa án giải quyết việc tranh chấp thì nguyên đơn chỉ được khởi kiện tại Tòa án đó.

Điều 15. Chuyển vụ án cho Tòa án khác; giải quyết tranh chấp về thẩm quyền

1- Trong trường hợp thấy vụ án đã thụ lý không thuộc thẩm quyền của mình thì Tòa án chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án có thẩm quyền và thông báo cho đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan biết.

2- Tranh chấp về thẩm quyền do Tòa án cấp trên trực tiếp giải quyết.

Chương 3:

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ; THAY ĐỔI THẨM PHÁN, HỘI THẨM, KIỂM SÁT VIÊN, THỦ KÝ TOÀ ÁN, NGƯỜI GIÁM ĐỊNH, NGƯỜI PHIÊN DỊCH

Điều 16. Hội đồng xét xử

1- Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm hai Thẩm phán và một Hội thẩm.

2- Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm ba Thẩm phán.

3- Hội đồng xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm của Tòa lao động Tòa án nhân dân tối cao gồm ba Thẩm phán.